**Mẫu số: 02**

**BẢNG TIÊU CHÍ XÉT KHEN THƯỞNG**

**(***Kèm theo Công văn số /HHCTVN.18-VP ngày 24 tháng 9 năm 2018***)**

|  |
| --- |
| **THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP** |
| Tên đơn vị (Tiếng Việt) |  |
| Tên đơn vị (Tiếng Anh) |  |
| Tên viết tắt |  |
| Website |  |
| Địa chỉ |  |
| Thông tin liên hệ | **Điện thoại** | **Fax** | **Email** |
| Giấy phép kinh doanh |  |
| Đại diện/ chủ sở hữu |  |
| Vốn điều lệ (triệu đồng) |  |
| Vốn đầu tư (triệu đồng) |  |
| Doanh thu nội địa 3 năm gần nhất (triệu đồng) | **2015** | **2016** | **2017** |
| Doanh thu xuất khẩu 3 năm gần nhất (triệu đồng) | **2015** | **2016** | **2017** |
| Lĩnh vực kinh doanh | **Nuôi trồng** □ | **Chế biến, xuất khẩu** □ | **Khác** □ |
| **NGƯỜI ĐẠI DIỆN CUNG CÂP THÔNG TIN** |
| Họ và tên |  |
| Chức vụ |  |
| Thông tin liên hệ | Điện thoại | Fax | Email |

**NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | Phần ghi dành cho Doanh nghiệp | Phần ghi danh cho Hội đồng đánh giá |
| **Có** | **Không** | **Nếu có (diễn giải tóm tắt nội dung)** | **Điểm mẫu** | **Điểm xét** |
| **1** | **Tổ chức bộ máy và năng lực quản trị Doanh nghiệp** | **15** |  |
| 1.1 | Có đầy đủ các quy chế quản trị nội bộ, quản trị tài chính, nhân lực |  |  |  | 03 |  |
| 1.2 | Có Chiến lược phát triển kinh doanh |  |  |  | 03 |  |
| 1.3 | Có Quản trị rủi ro kinh doanh |  |  |  | 03 |  |
| 1.4 | Có Quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp |  |  |  | 03 |  |
| 1.5 | Hiệu quả kinh doanh trong 03 năm gần nhất có tăng trưởng hay không? |  |  |  | 03 |  |
| **2** | **Chấp hành pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh** | **15** |  |
| 2.1 | Có tranh chấp, khiếu kiện trong nước và quốc tế  |  |  |  | 02 |  |
| 2.2 | Giấy phép kinh doanh |  |  |  | 01 |  |
| 2.3 | Chấp hành thuế, bảo hiểm xã hội công nhân |  |  |  | 03 |  |
| 2.4 | Có báo cáo quyết toán hàng năm với cơ quan có thẩm quyền |  |  |  | 03 |  |
| 2.5 | Tuân thủ pháp luật nhà nước và luật kinh doanh quốc tế |  |  |  | 03 |  |
| 2.6 | Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa |  |  |  | 03 |  |
| **3** | **Thương hiệu doanh nghiệp** | **20** |  |
| 3.1 | Hệ thống quản lý chất lượng (Haccp, ISO,…) |  |  |  | 02 |  |
| 3.2 | Sản phẩm đạt chứng nhận về chất lượng: ASC, BAP, GlobalGAP, VietGap |  |  |  | 02 |  |
| 3.3 | Bao bì sản phẩm có đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế |  |  |  | 02 |  |
| 3.4 | Đơn vị có kế hoạch phát triển thương hiệu và tạo uy tín sản phẩm dịch vụ |  |  |  | 02 |  |
| 3.5 | Đơn vị có nghiên cứu thường niên nào về nhu cầu tiêu dùng sản phẩm của thị trường |  |  |  | 02 |  |
| 3.6 | Sản phẩm có giá cả phù hợp và ổn định |  |  |  | 02 |  |
| 3.7 | Giá sản phẩm có tính cạnh tranh so với thị trường trong nước |  |  |  | 02 |  |
| 3.8 | Giá cả có tính cạnh tranh so với thị trường quốc tế |  |  |  | 02 |  |
| 3.9 | Đơn vị có chiến lược phát triển hệ thống quan hệ khách hàng |  |  |  | 02 |  |
| 3.10 | Đơn vị có kế hoạch phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế  |  |  |  | 02 |  |
| **4** | **Tham gia xây dựng Hiệp hội cá tra Việt Nam** | **50** |  |
| 4.1 | Hoàn thành thủ tục đóng hội phí đúng theo quy định |  |  |  | 05 |  |
| 4.2 | Đăng ký là thành viên của các Website Hiệp hội |  |  |  | 05 |  |
| 4.3 |  Hỗ trợ về chi phí phát sinh khi Hiệp hội cần tổ chức các hoạt động |  |  |  | 10 |  |
| 4.4 | Hổ trợ về nhân lực, chuyên gia của công ty cho các hội thảo, khóa đào tạo |  |  |  | 05 |  |
| 4.5 | Tham gia các khóa đào tạo, Hội thảo |  |  |  | 05 |  |
| 4.6 | Tham gia cùng các đoàn công tác xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. |  |  |  | 05 |  |
| 4.7 | Đóng góp những ý kiến khách quan cho các dự thảo, kiến nghị trình Chính phủ |  |  |  | 05 |  |
| 4.8 | Tính sẵn sàng, tham gia các hoạt động, các kế hoạch do Hiệp hội đề ra. |  |  |  | 05 |  |
| 4.9 | Hợp tác cung cấp, chia sẽ thông tin dữ liệu cần thiết về tình hình hoạt động kinh doanh: nguyên liệu, xuất khẩu, thị trường với Hiệp hội. |  |  |  | 05 |  |
|  | **Tổng (1+2+3+4)** |  |  |  | **100** |  |